

Số: 59/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

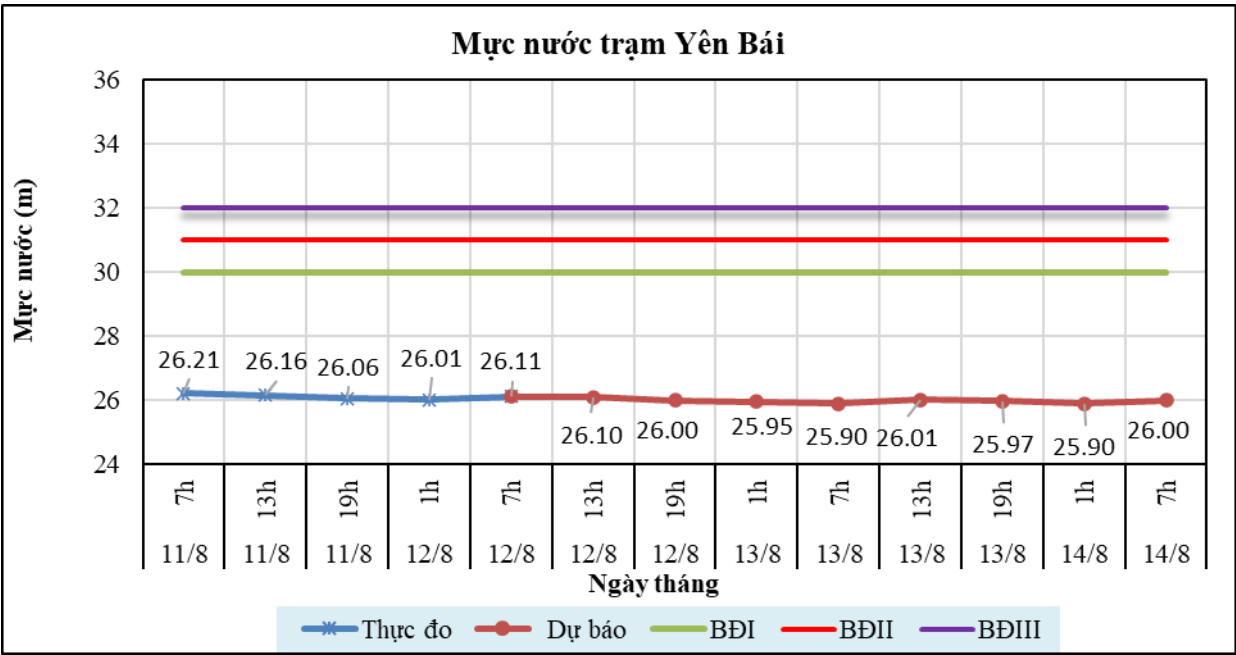
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

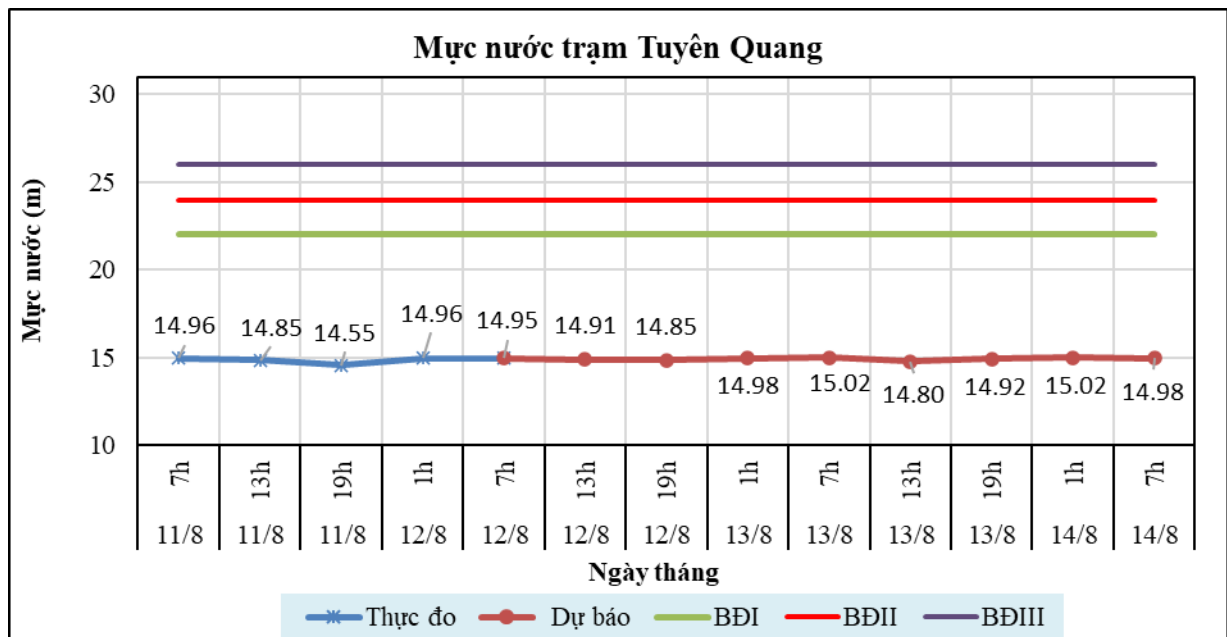
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

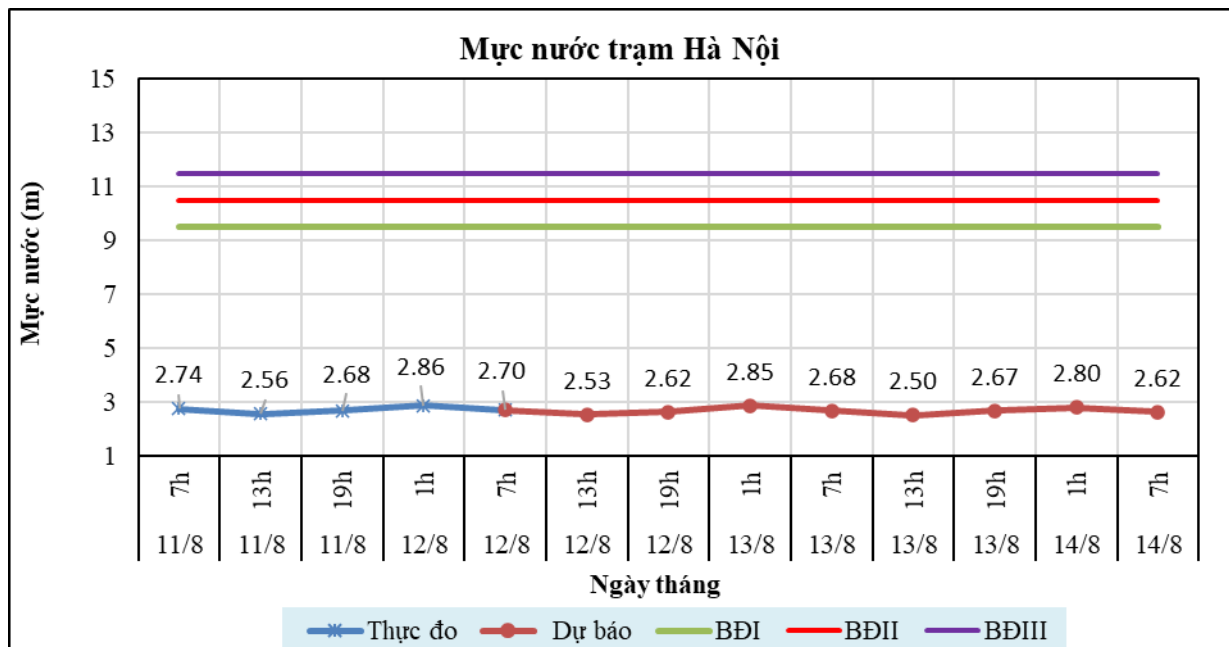
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

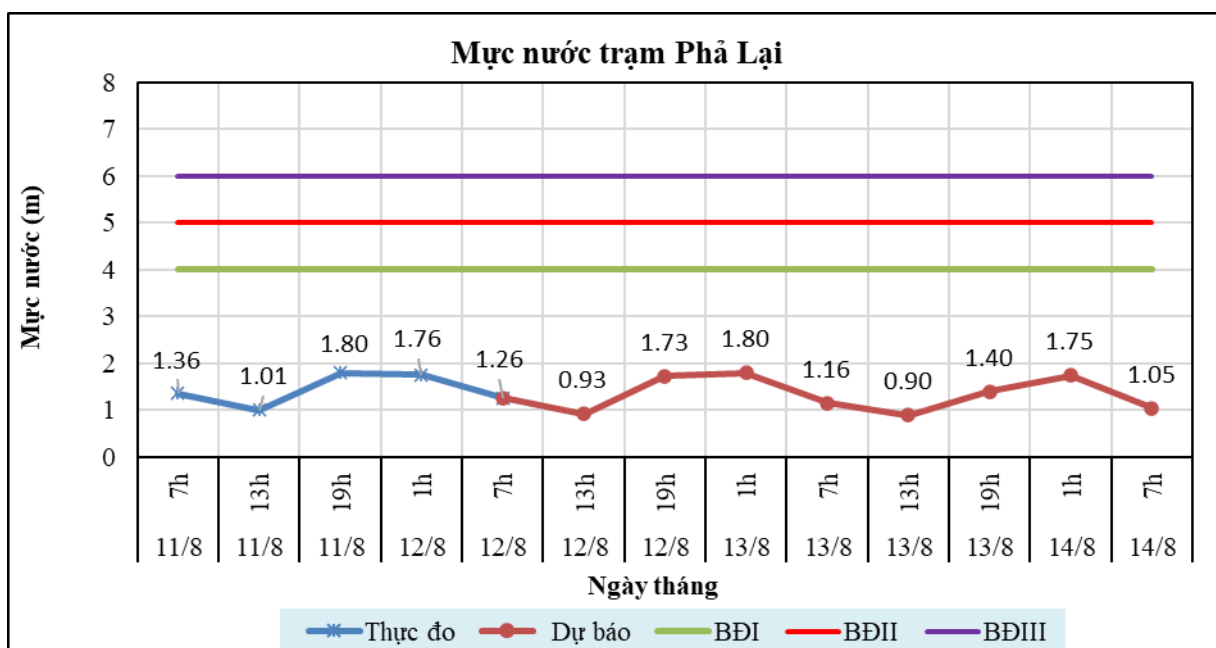
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

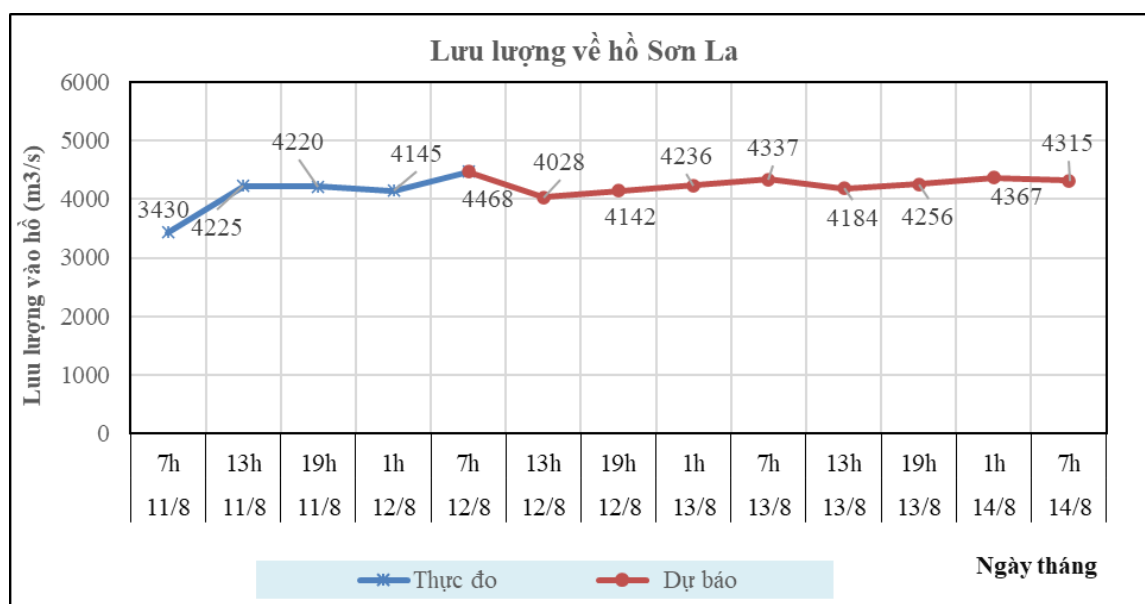
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

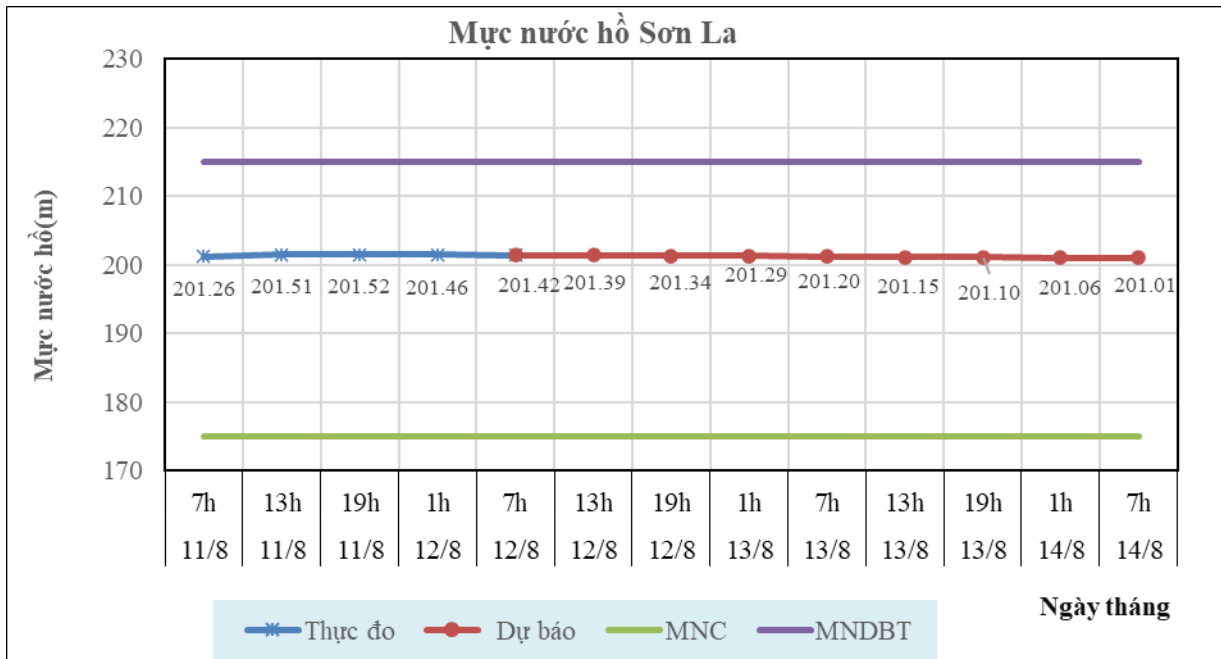
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 12/08/2025 đạt $4468\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 201,42m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $4337\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 201,20m, 48h tới lưu lượng đạt $4315\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 201,01m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

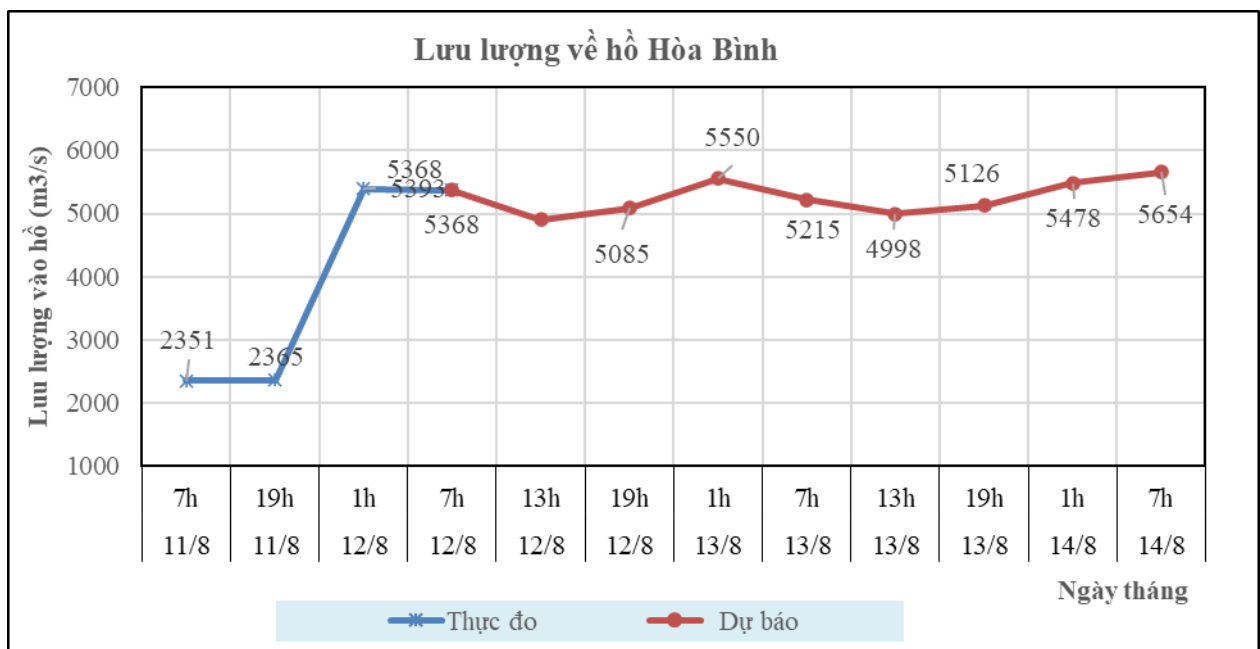
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

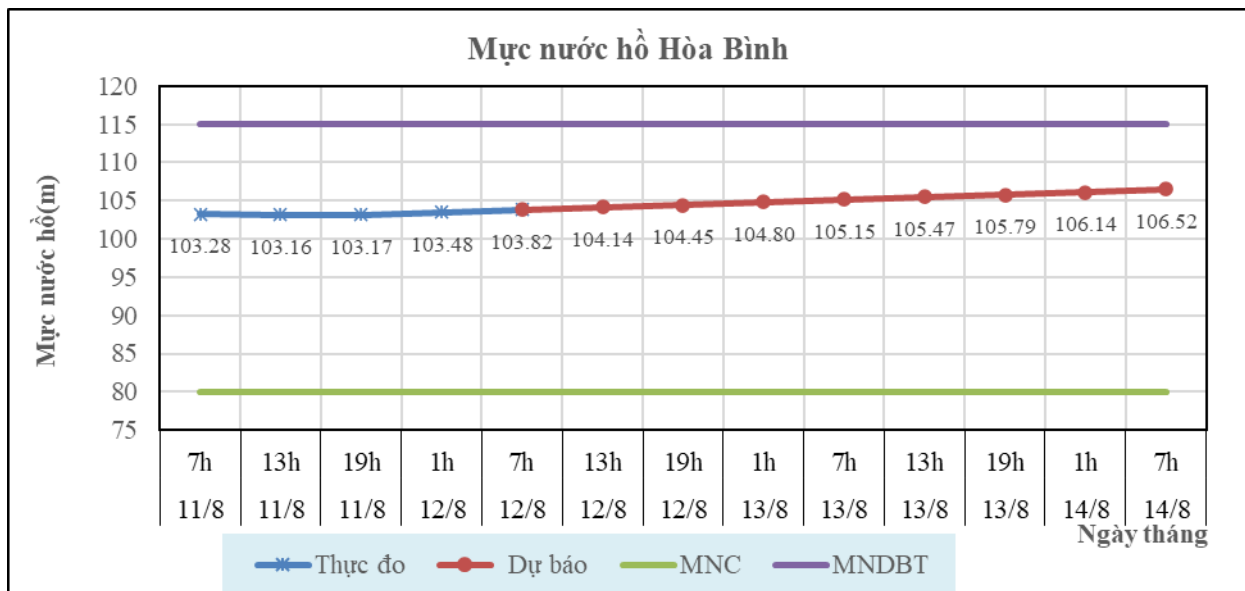
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 12/08/2025 đạt $5368\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 103,82m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $5215\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 105.15m, 48h tới lưu lượng đạt $5654\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 106,52m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

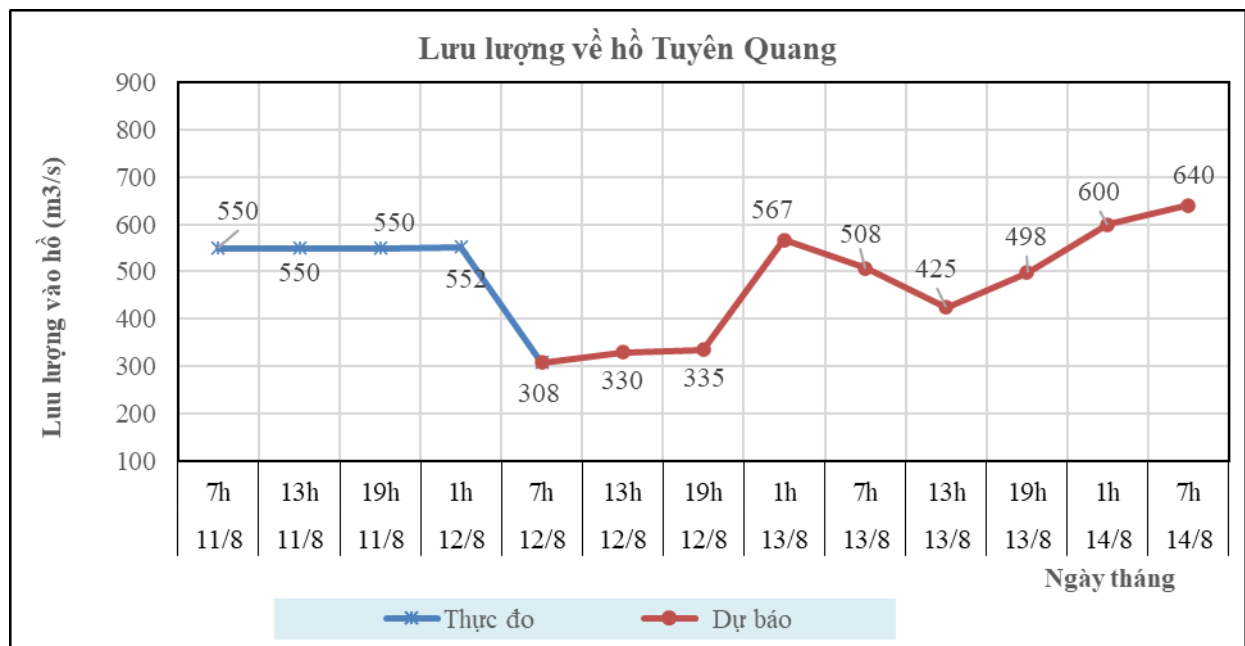
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

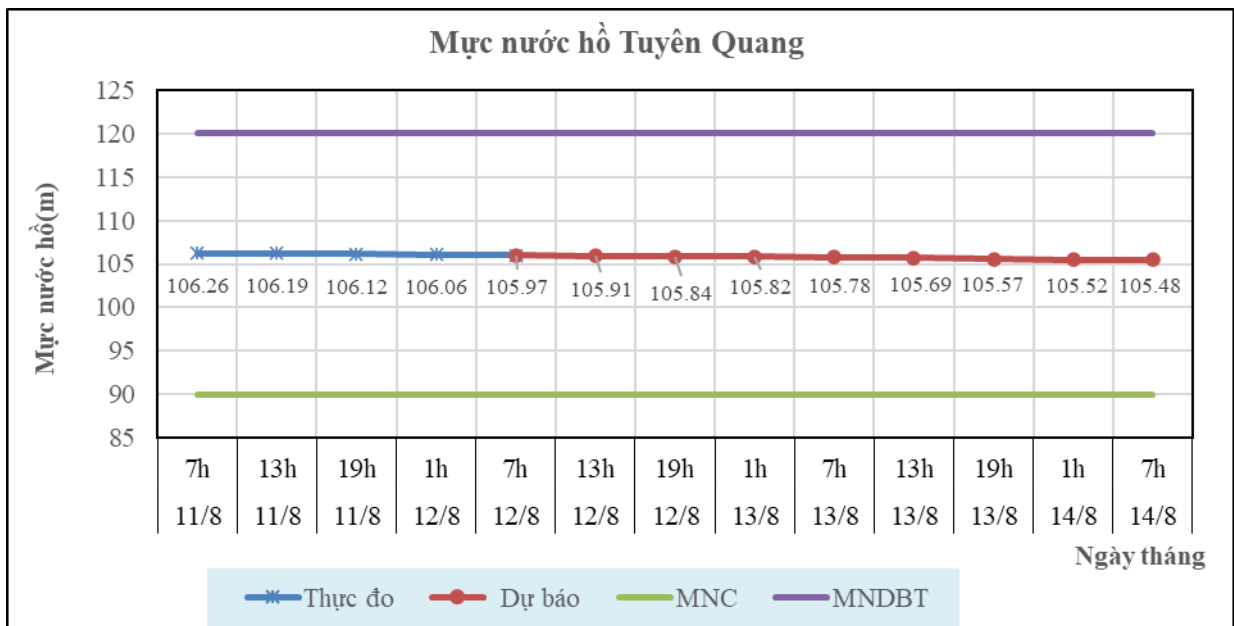
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 12/08/2025 đạt $308\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 105,97m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $508\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 105,78m, 48h tới lưu lượng đạt $640\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 105,48m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

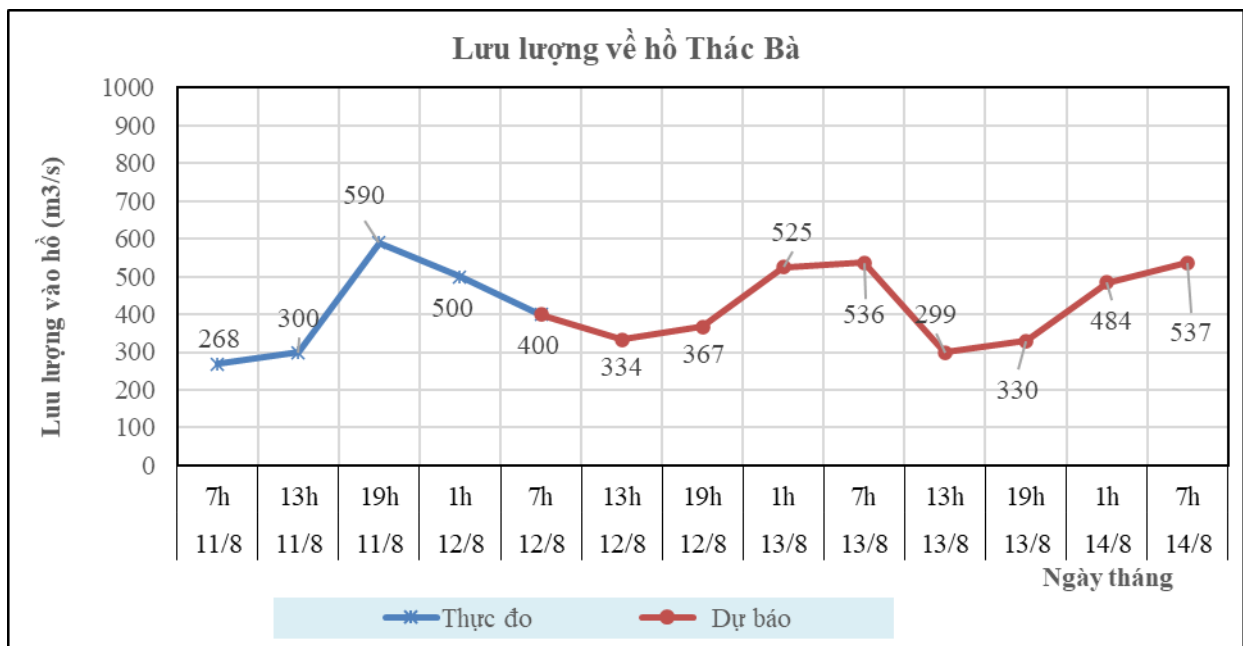
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

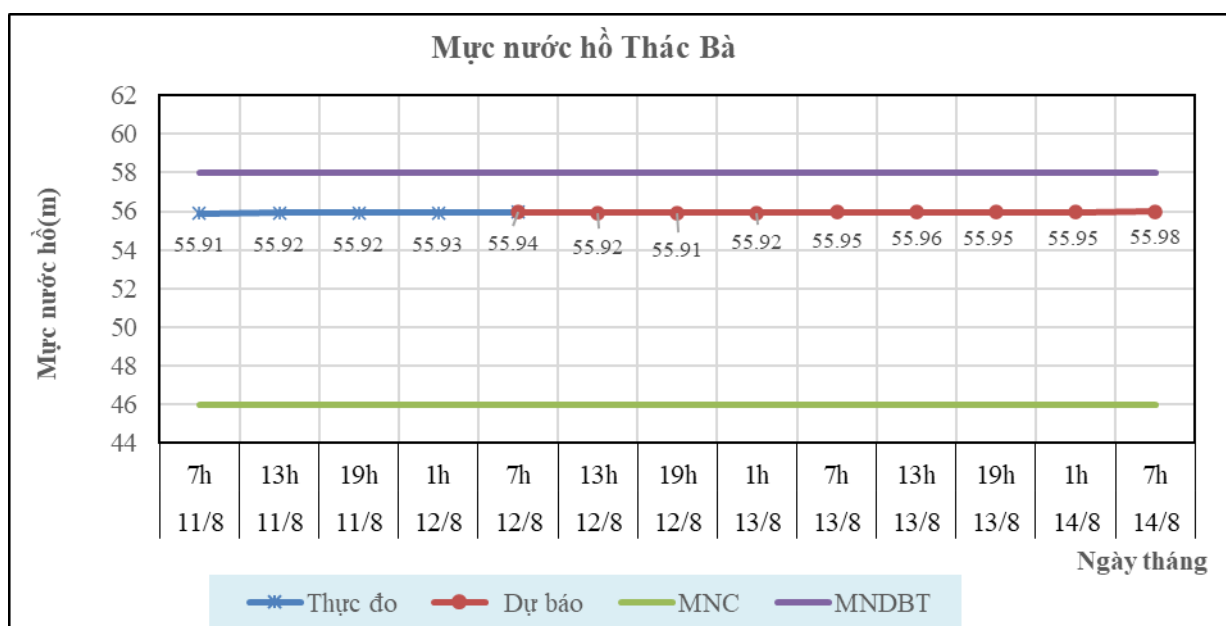
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 12/08/2025 đạt $400\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 55,94m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $536\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 55,95m, 48h tới lưu lượng đạt $537\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 55,98m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

ST T	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
1	12/8/2025	13h	1	0	4028	4600	201.39	0	0	4901	2350	104.14	0	0	330	500	105.91	0	0	334	420	55.92
2		19h	1	0	4142	4500	201.34	0	0	5085	2340	104.45	0	0	335	550	105.84	0	0	367	430	55.91
3	13/8/2025	1h	1	0	4236	4750	201.29	0	0	5550	2345	104.80	0	0	567	700	105.82	0	0	525	250	55.92
4		7h	1	0	4337	4730	201.20	0	0	5215	2350	105.15	0	0	508	705	105.78	0	0	536	210	55.95
5		13h	1	0	4184	4680	201.15	0	0	4998	2360	105.47	0	0	425	715	105.69	0	0	299	420	55.96
6		19h	1	0	4256	4650	201.10	0	0	5126	2358	105.79	0	0	498	700	105.57	0	0	330	415	55.95
7	14/8/2025	1h	1	0	4367	4760	201.06	0	0	5478	2345	106.14	0	0	600	713	105.52	0	0	484	270	55.95
8		7h	1	0	4315	4750	201.01	0	0	5654	2364	106.52	0	0	640	715	105.48	0	0	537	260	55.98